

[illegible]

đ	Khối ngành V	10	-	-	02	08	-	-	-	-	-	-
	Ngành CNTT	10	-	-	02	08	-	-	-	-	-	-
e	Khối ngành VI	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
g	Khối ngành VII	34	-	01	06	25	02	-	-	-	-	-
	Ngành NNA	10	-	-	02	07	01	-	-	-	-	-
	Ngành Du lịch	09	-	-	02	07	-	-	-	-	-	-
	Ngành ĐPH	15	-	01	02	11	01	-	-	-	-	-
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
	Nguyễn Nam Hà	1954	Nam	GV	TS	Luật
	Đặng Văn Khanh	1953	Nam	GV	TS	Luật
	Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng	1977	Nam	GV	TS	Luật
	Lê Anh Vân	1982	Nam	GĐCT	THS	Luật
	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam	PTP	THS	Luật
	Nguyễn Sỹ Anh	1993	Nam	GV	THS	Luật

Nguyễn Đăng Khoa	1979	Nam	GV	THS	Luật
Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nam	GV	THS	Luật
Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam	GV	THS	Luật
Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ	GV	THS	Luật
Nguyễn Thành Trì	1959	Nam	GV	THS	Luật
Ngô Hường	1953	Nam	GV	PGSTS	Quản trị kinh doanh
Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	GV	PGSTS	Quản trị kinh doanh
Lê Thị Thanh Vân	1976	Nữ	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Nguyễn Trần Lê Na	1995	Nữ	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Phạm Thị Vân	1988	Nữ	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Nguyễn Minh Thành	1991	Nam	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Đặng Xuân Chinh	1988	Nam	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Nguyễn Đăng Huyền Trân	1992	Nữ	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Nguyễn Thị Kim Hoàng	1991	Nữ	GV	THS	Quản trị kinh doanh
Đào Huy Nhật	1988	Nam	PTB	THS	Quản trị kinh doanh
Đinh Thị Thu Hà	1986	Nữ	TBM	TS	Tài chính - Ngân hàng
Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam	TK	TS	Tài chính - Ngân hàng
Lê Hữu	1957	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
Đinh Thị Kim Tuyền	1974	Nữ	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
Lê Ngọc Bửu	1966	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân

						hàng
	Mai Văn Tới	1982	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
	Đình Văn Hương	1976	Nam	Q.TP	THS	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Minh Hải	1984	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
	Thái Ninh	1959	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Đình Cường	1960	Nam	GV	THS	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam	HT	TS	Kế toán
	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam	PTK	THS	Kế toán
	Trần Tâm Anh	1991	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Trần Thị Kim Thúy	1988	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Huỳnh Thị Phương Anh	1986	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Đình Thị Hải Yến	1986	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Lê Hữu Bằng	1982	Nam	TP	THS	Kế toán
	Trần Thị Yến Loan	1978	Nữ	GV	THS	Kế toán
	Trần Thị Phi Ánh	1987	Nữ	GV	THS	Kế toán
4	Khối ngành IV	-	-	-	-	-
5	Khối ngành V					
	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam	TK	TS	Công nghệ thông tin

	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam	GV	TS	Công nghệ thông tin
	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam	PTK	THS	Công nghệ thông tin
	Lê Trung Tín	1979	Nam	TP	THS	Công nghệ thông tin
	Lê Thiện Phương	1984	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
	Phạm Xuân Bình	1985	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
	Đỗ Sỹ Cường	1960	Nam	GV	THS	Công nghệ thông tin
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					
	Trương Anh Tuấn	1978	Nam	TBM	TS	Đông phương học
	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Nguyễn Thị Thu Hà	1988	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Nguyễn Thị Thu Hà	1989	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Đinh Thị Thúy Nga	1995	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Kiều Xuân Mai	1971	Nam	GV	THS	Đông phương học
	An Hei Won	1971	Nữ	GV	THS	Đông phương học
	Park Jong Ryul	1949	Nam	GĐ	THS	Đông phương học
	Võ Đình Văn	1989	Nam	GĐ	THS	Đông phương học

V.A
NG
OC
DUON

Trần Hoài Nam	1982	Nam	GĐ	THS	Đông phương học
Park Eui Rom	1980	Nam	GV	ĐH	Đông phương học
Mai Thị Kiều Phương	1966	Nữ	GV	PGS.TS	Đông phương học
Bùi Trần Phương	1950	Nữ	GV	TS	Đông phương học
Lê Anh Thư	1986	Nữ	GV	TS	Du lịch
Võ Sáng Xuân Lan	1962	Nữ	TK	TS	Du lịch
Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ	PGĐ	THS	Du lịch
Nguyễn Phùng Thu Trinh	1996	Nữ	GV	THS	Du lịch
Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam	GV	THS	Du lịch
Trần Đặng Phi Minh Quốc	1991	Nam	GV	THS	Du lịch
Võ Trần Hải Linh	1989	Nam	GV	THS	Du lịch
Đinh Thị Nga	1990	Nữ	GV	THS	Du lịch
Đào Thị Huệ	1990	Nữ	GV	THS	Du lịch
Phạm Quốc Lộc	1976	Nam	PHT	TS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Thanh Huyền	1986	Nữ	PTBM	TS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Ngô Hà Giang	1993	Nam	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Hồng Phương	1988	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Thư	1978	Nữ	GV	THS	Ngôn ngữ Anh

Chinn Marie	1979	Nữ	GV	ĐH	Ngôn ngữ Anh
-------------	------	----	----	----	--------------

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	-
2	Khối ngành II	-
3	Khối ngành III	6,90
4	Khối ngành IV	-
5	Khối ngành V	10,9
6	Khối ngành VI	-
7	Khối ngành VII	9,04



Nguyễn Thanh Toại

Section 1: General Information	
1.1. Name of the Project	
1.2. Location of the Project	
1.3. Date of the Report	
1.4. Author of the Report	
1.5. Reviewer of the Report	
1.6. Approval of the Report	
1.7. Signature of the Author	
1.8. Signature of the Reviewer	
1.9. Signature of the Approver	
1.10. Date of the Approval	
1.11. Date of the Review	
1.12. Date of the Report	
1.13. Date of the Approval	
1.14. Date of the Review	
1.15. Date of the Report	
1.16. Date of the Approval	
1.17. Date of the Review	
1.18. Date of the Report	
1.19. Date of the Approval	
1.20. Date of the Review	
1.21. Date of the Report	
1.22. Date of the Approval	
1.23. Date of the Review	
1.24. Date of the Report	
1.25. Date of the Approval	
1.26. Date of the Review	
1.27. Date of the Report	
1.28. Date of the Approval	
1.29. Date of the Review	
1.30. Date of the Report	
1.31. Date of the Approval	
1.32. Date of the Review	
1.33. Date of the Report	
1.34. Date of the Approval	
1.35. Date of the Review	
1.36. Date of the Report	
1.37. Date of the Approval	
1.38. Date of the Review	
1.39. Date of the Report	
1.40. Date of the Approval	
1.41. Date of the Review	
1.42. Date of the Report	
1.43. Date of the Approval	
1.44. Date of the Review	
1.45. Date of the Report	
1.46. Date of the Approval	
1.47. Date of the Review	
1.48. Date of the Report	
1.49. Date of the Approval	
1.50. Date of the Review	
1.51. Date of the Report	
1.52. Date of the Approval	
1.53. Date of the Review	
1.54. Date of the Report	
1.55. Date of the Approval	
1.56. Date of the Review	
1.57. Date of the Report	
1.58. Date of the Approval	
1.59. Date of the Review	
1.60. Date of the Report	
1.61. Date of the Approval	
1.62. Date of the Review	
1.63. Date of the Report	
1.64. Date of the Approval	
1.65. Date of the Review	
1.66. Date of the Report	
1.67. Date of the Approval	
1.68. Date of the Review	
1.69. Date of the Report	
1.70. Date of the Approval	
1.71. Date of the Review	
1.72. Date of the Report	
1.73. Date of the Approval	
1.74. Date of the Review	
1.75. Date of the Report	
1.76. Date of the Approval	
1.77. Date of the Review	
1.78. Date of the Report	
1.79. Date of the Approval	
1.80. Date of the Review	
1.81. Date of the Report	
1.82. Date of the Approval	
1.83. Date of the Review	
1.84. Date of the Report	
1.85. Date of the Approval	
1.86. Date of the Review	
1.87. Date of the Report	
1.88. Date of the Approval	
1.89. Date of the Review	
1.90. Date of the Report	
1.91. Date of the Approval	
1.92. Date of the Review	
1.93. Date of the Report	
1.94. Date of the Approval	
1.95. Date of the Review	
1.96. Date of the Report	
1.97. Date of the Approval	
1.98. Date of the Review	
1.99. Date of the Report	
1.100. Date of the Approval	
1.101. Date of the Review	
1.102. Date of the Report	
1.103. Date of the Approval	
1.104. Date of the Review	
1.105. Date of the Report	
1.106. Date of the Approval	
1.107. Date of the Review	
1.108. Date of the Report	
1.109. Date of the Approval	
1.110. Date of the Review	
1.111. Date of the Report	
1.112. Date of the Approval	
1.113. Date of the Review	
1.114. Date of the Report	
1.115. Date of the Approval	
1.116. Date of the Review	
1.117. Date of the Report	
1.118. Date of the Approval	
1.119. Date of the Review	
1.120. Date of the Report	
1.121. Date of the Approval	
1.122. Date of the Review	
1.123. Date of the Report	
1.124. Date of the Approval	
1.125. Date of the Review	
1.126. Date of the Report	
1.127. Date of the Approval	
1.128. Date of the Review	
1.129. Date of the Report	
1.130. Date of the Approval	
1.131. Date of the Review	
1.132. Date of the Report	
1.133. Date of the Approval	
1.134. Date of the Review	
1.135. Date of the Report	
1.136. Date of the Approval	
1.137. Date of the Review	
1.138. Date of the Report	
1.139. Date of the Approval	
1.140. Date of the Review	
1.141. Date of the Report	
1.142. Date of the Approval	
1.143. Date of the Review	
1.144. Date of the Report	
1.145. Date of the Approval	
1.146. Date of the Review	
1.147. Date of the Report	
1.148. Date of the Approval	
1.149. Date of the Review	
1.150. Date of the Report	
1.151. Date of the Approval	
1.152. Date of the Review	
1.153. Date of the Report	
1.154. Date of the Approval	
1.155. Date of the Review	
1.156. Date of the Report	
1.157. Date of the Approval	
1.158. Date of the Review	
1.159. Date of the Report	
1.160. Date of the Approval	
1.161. Date of the Review	
1.162. Date of the Report	
1.163. Date of the Approval	
1.164. Date of the Review	
1.165. Date of the Report	
1.166. Date of the Approval	
1.167. Date of the Review	
1.168. Date of the Report	
1.169. Date of the Approval	
1.170. Date of the Review	
1.171. Date of the Report	
1.172. Date of the Approval	
1.173. Date of the Review	
1.174. Date of the Report	
1.175. Date of the Approval	
1.176. Date of the Review	
1.177. Date of the Report	
1.178. Date of the Approval	
1.179. Date of the Review	
1.180. Date of the Report	
1.181. Date of the Approval	
1.182. Date of the Review	
1.183. Date of the Report	
1.184. Date of the Approval	
1.185. Date of the Review	
1.186. Date of the Report	
1.187. Date of the Approval	
1.188. Date of the Review	
1.189. Date of the Report	
1.190. Date of the Approval	
1.191. Date of the Review	
1.192. Date of the Report	
1.193. Date of the Approval	
1.194. Date of the Review	
1.195. Date of the Report	
1.196. Date of the Approval	
1.197. Date of the Review	
1.198. Date of the Report	
1.199. Date of the Approval	
1.200. Date of the Review	



Ministry of Education and Training